TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LONG BIÊN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ---------- Bản án số: **527**/2020/HNGĐ-ST Ngày: 19/9/2020 *V/v: Tranh chấp ly hôn*	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** -------o0o-------

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Phương Huyền***

*Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Tạ Đức Minh;***

*Bà **Đặng Thị Nhác***

*- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông **Đặng Hoàng Phương** - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Long Biên.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông **Bùi Bách Thành** - Kiểm sát viên.*

Ngày 19 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số **314**/2020/TLST-HNGĐ ngày 19/6/2020 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số **85**/2020/QĐXX-ST ngày 29/8/2020 và quyết định hoãn phiên tòa ngày 10/9/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Bùi Thu H** - Sinh năm 1974 (*Có mặt)*

Bị đơn: Ông **Trần Chí D** - Sinh năm 1972 *(Vắng mặt)*

Cùng trú tại: Số 47 đường HS, khu đô thị sinh thái VR, phường PL, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn xin ly hôn và các lời khai tại Toà án, Nguyên đơn là bà Bùi Thu H trình bày**: Bà và ông **Trần Chí D** xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 12/12/2000 tại UBND phường ĐC, quận BĐ, thành phố Hà Nội.

Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống,cách làm ăn cũng như việc nuôi dậy con. Ông D không phải là người đàn ông tâm lý,

quan tâm, chia sẻ trong cuộc sống với bà nên mọi công việc vợ chồng không có sự đồng thuận mà mạnh ai nấy làm. Bên cạnh đó, ông D có nhiều biểu hiện không chung thủy, có nhiều mối quan hệ không lành mạnh nên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt và xa cách nhau. Mặc dù tình cảm vợ chồng không còn nhưng bà vẫn chịu đựng do con gái bà còn nhỏ, sợ ảnh hưởng tâm lý. Đến năm 2016, xuất phát từ mâu thuẫn trong công việc làm ăn và bản thân ông D không thay đổi nên bà đã dọn nhà ra ở riêng. Vợ chồng ly thân và không quan hệ sinh lý từ thời gian này. Nay xác định tình cảm vợ chồng đã hết, bà kiên quyết xin ly hôn với ông D.

- Về con: Ông bà có 01 con chung là **Trần Hoàng Tuệ L** – sinh ngày 26/3/2002 (Nữ), đã thành niên.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình theo quy định.

Bị đơn là ông Trần Chí D trình bày: Ông và bà Bùi Thu H xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 12/12/2000 tại UBND phường ĐC, quận BĐ, thành phố Hà Nội.

Sau khi kết hôn, ông bà có phát sinh mâu thuẫn chủ yếu do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tư duy làm ăn kinh tế, cách đối nhân xử thế trong cuộc sống hàng ngày cũng trái ngược nhau nên xảy ra xung đột. Bên cạnh đó, công việc của cả hai vợ chồng quá bận rộn, áp lực nên ít thời gian ở bên cạnh nhau, thời gian dành cho gia đình không có, trong khi sức khỏe của bà H không tốt. Năm 2016, bà H đã không ở cùng ông mà dọn nhà ra ngoài. Ông bà chính thức ly thân từ năm 2016. Nay bà H xác định tình cảm vợ chồng đã hết, kiên quyết xin ly hôn với ông nhưng ông là người theo đạo Thiên Chúa nên ông không đồng ý và cũng không đến Tòa để giải quyết việc ly hôn này. Ông có quan điểm nếu có gặp nhau để hòa giải theo giấy triệu tập của Tòa án cũng không làm bà H thay đổi suy nghĩ, quan điểm ly hôn với ông. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con: Ông bà có 01 con chung là **Trần Hoàng Tuệ L** – sinh ngày 26/3/2002 (Nữ), đã thành niên.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà H chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình theo quy định.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn vẫn giữ nguyên lời khai và giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

*** Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu quan điểm:**

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Bà H và ông D kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống ông bà đã phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không tin tưởng và chia sẻ trách nhiệm với nhau. Mặc dù đã

được gia đình hai bên hòa giải, động viên nhưng không có kết quả. Ông bà đã ly thân từ nhiều năm nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không tồn tại, bà H có đơn xin ly hôn, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H theo quy định của pháp luật.

- Về con: Ông bà có 01 con chung là **Trần Hoàng Tuệ L** – sinh ngày 26/3/2002 (Nữ), đã thành niên.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

- Về án phí: Bà H phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1- Về thủ tục tố tụng: Bà Bùi Thu H xin ly hôn ông Trần Chí D có nơi cư trú tại: Số 47 đường HS, khu đô thị sinh thái VR, phường PL, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Do vậy,việc bà H khởi kiện là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Bị đơn là ông Trần Chí D trong quá trình giải quyết vụ án, đã được Toà án triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Ngày 10/9/2020, Toà án mở phiên toà lần thứ nhất để xét xử vụ án nhưng ông D vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên toà để xét xử vào ngày 19/9/2020. Tại phiên toà ngày 19/9/2020, ông D tiếp tục vắng mặt, xét thấy đây là lần thứ hai ông D vắng mặt tại phiên toà không có lý do mặc dù đã được Toà án tống đạt hợp lệ, nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt ông là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2- Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà H, ông D xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 12/12/2000 tại UBND phường ĐC, quận BĐ, thành phố Hà Nội. Xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

- Xét mâu thuẫn giữa bà H và ông D: Qua các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện mâu thuẫn vợ chồng ông bà phát sinh từ năm 2013 do bất đồng quan điểm sống , cách cư xử trong cuộc sống hàng ngày cũng như không đồng thuận trong cách làm ăn kinh tế. Ông bà cùng là lãnh đạo của Công ty, cùng phải chịu quá nhiều áp lực trong công việc, cùng phải bận rộn xử lý công việc nên không có

thời gian ở bên cạnh nhau để sẻ chia, thông cảm và cùng nhau giải quyết những mối bất hòa, sự hiểu lầm của vợ chồng đã và đang xảy ra. Bà H không có cơ hội để chăm sóc,quan tâm đến chồng, ông D cũng không có thời gian dành cho vợ và gia đình, không làm tròn trách nhiệm của người chồng, người cha. Ông bà không có sự hòa hợp, tiếng nói chung, sự gắn kết để cùng xây dựng, vun đắp cuộc sống hạnh phúc mà mạnh ai nấy sống, chọn giải pháp im lặng, bỏ mặc nhau. Quá trình giải quyết tại Tòa án, mặc dù ông D đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến để tham gia hòa giải đoàn tụ vợ chồng nhưng ông không đến Tòa. Ông có quan điểm do ông theo đạo Thiên Chúa nên ông không giải quyết việc ly hôn. Tuy nhiên ông cũng không đưa ra biện pháp nào để đoàn tụ gia đình, thể hiện thiện chí hòa giải.

Xét thấy cuộc sống chung giữa bà H và ông D không thể tồn tại, kéo dài, tình trạng vợ chồng sống ly thân từ năm 2016, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của bà H đối với ông D là có căn cứ cần được chấp nhận và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cũng như phù hợp với đề xuất của Viện kiểm sát.

- Về con: Vợ chồng H - D có 01 con chung là **Trần Hoàng Tuệ L** – sinh ngày 26/3/2002 (Nữ), đã thành niên. Việc cháu ở với ai là quyền quyết định của cháu, Hội đồng xét xử không xét.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản và công nợ, các bên có quyền khởi kiện vụ án khác theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Bà H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng chẵn*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên về đường lối giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào Nghị quyết số **326**/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của □y ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1**.** Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Bùi Thu H đối với ông Trần Chí D.

Bà Bùi Thu H được ly hôn ông Trần Chí D.

Giấy chứng nhận kết hôn số 124, quyển số 01/2000 ngày 12/12/2000 do UBND phường ĐC, quận BĐ, thành phố Hà Nội cấp cho bà Bùi Thu H và ông Trần Chí D không còn giá trị pháp lý.

2. Về con: Xác nhận bà H và ông D có 01 con chung là **Trần Hoàng Tuệ L** – sinh ngày 26/3/2002 (Nữ), đã thành niên.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết. Trường hợp phát sinh tranh chấp về tài sản và công nợ, các bên có quyền khởi kiện vụ án khác theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Bà H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng chẵn*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận bà H đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng chẵn*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số **0016354** ngày 19/6 /2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Nay chuyển thành án phí.

Án xử công khai sơ thẩm. Bà H có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông D vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Long Biên;
- Chi cục THADS quận Long Biên;
- UBND phường Đội Cấn, quận Ba Đình, TP Hà Nội (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Phương Huyền